

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

A. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay Chi nhánh nào.

B. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

C. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

D. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí tem chống lậu, bia nhựa phân bổ theo số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.7 Dự phòng phải trả

Dự phòng nợ phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Công ty phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Công ty do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.9 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.10 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

4.12 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.14 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ, 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục, hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD-Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20% (theo Thông tư 178/2014/TT-BTC về thuế Thu nhập doanh nghiệp).
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

*Đơn vị tính: VND***E. Tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	80,570,853	282,868,000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,966,305,006	6,097,998,810
Cộng	3,046,875,859	6,380,866,810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

F. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	8,000,000,000	10,000,000,000
Cộng	<u>8,000,000,000</u>	<u>10,000,000,000</u>

G. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	4,831,969,263	1,355,549,960
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thái Nguyên	2,137,555,686	1,377,756,348
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ	924,584,040	1,109,985,120
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	1,461,590,336	1,238,921,900
Công ty TNHH Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	2,004,667,436	628,221,112
Các đối tượng khác	13,549,167,116	7,622,126,740
Cộng	<u>24,909,533,877</u>	<u>13,332,561,180</u>

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2016	01/01/2016
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	924,584,040	1,109,985,120
Công ty Cổ phần Học liệu	571,086,600	564,848,720
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	299,196,566	221,082,510
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	1,461,590,336	1,238,921,900
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	847,684,120	1,662,811,040
Các đối tượng khác	1,517,938,309	487,244,762
Cộng	<u>5,622,079,971</u>	<u>5,284,894,052</u>

H. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	15,542,466	-	19,899,542	-
Phải thu thuế TNCN	8,295,705	-	10,068,644	-
Phải thu khác	107,000,014	-	21,245,172	-
Cộng	<u>130,838,185</u>	<u>-</u>	<u>51.213.358</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Quỹ đầu tư xuất bản (*)	400,000,000	-	400,000,000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Cộng	400,000,000	-	400,000,000	-

I. Dự phòng phải thu khó đòi**a. Ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	656,242,827	650,872,552
- Từ 3 năm trở lên	232,097,626	364,758,347
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	260,173,839	168,243,908
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	163,971,362	117,870,297
Cộng	656,242,827	650,872,552

b. Nợ xấu

	30/06/2016			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty Cổ phần Sách và TBTH Sơn La	165,000,000	-	> 3 năm	Không có khả năng thu hồi, do khách hàng thay đổi chủ sở hữu
- Công ty CP Sách TBGD Thăng Long	53,467,200	-	> 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	13,630,426	-	> 3 năm	Không có khả năng thu hồi
Cộng	232,097,626	-		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

J. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	865,091,415	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	36,256,114	-	4,711,414	-
Chi phí SX, KD dở dang	11,563,633	-	-	-
Thành phẩm	6,400,489,988	1,473,144,754	4,839,388,192	1,449,575,583
Hàng hóa	3,119,868,230	358,005,419	2,606,187,428	373,293,848
Cộng	10,433,269,380	1,831,150,173	7,450,287,034	1,822,869,431

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2016 là 1.873.790.425 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/6/2016 là 0.

K. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	14,594,442	32,579,292
Tem chống In lậu	10,272,771	814,262
Giá trị bìa Atlas nhựa	386,516,391	-
Chi phí thuê nhà	45,000,000	-
Cộng	456,383,604	33,393,554

L. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	342,503,748	2,486,967,700	659,399,121	3,488,870,569
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	342,503,748	2,486,967,700	659,399,121	3,488,870,569
Khấu hao				
Số đầu năm	342,503,748	1,745,456,714	659,399,121	2,747,359,583
Khấu hao trong năm	-	103,511,688	-	103,511,688
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	342,503,748	1,848,968,402	659,399,121	2,850,871,271
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	741,510,986	-	741,510,986
Số cuối năm	-	637,999,298	-	637,999,298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 2.246.730.297 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý là 426.636.472 đồng.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

M. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
XN Bàn đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bàn đồ	2,453,613,217	513,089,569
Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	2,113,838,949	434,543,901
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	2,241,791,778	706,779,970
Các đối tượng khác	4,930,356,946	826,064,745
Cộng	11,739,600,890	2,480,478,185

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Sách và TBTH TP. HCM	Chung công ty đầu tư	2,241,791,778	706,779,970
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	-	-
Cộng		2,241,791,778	706,779,970

N. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	65,311,883	26,760,939	38,550,944
Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76,681,843	471,552,777	161,066,094	387,168,526
Thuế thu nhập cá nhân	79,638,245	125,996,005	205,456,473	177,777
Thuế tài nguyên	-			-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-			-
Các loại thuế khác	-			-
Phí và lệ phí	-			-
Cộng	156,320,088	665,860,665	396,283,506	425,897,247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

O. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	167,334,992	149,116,388
Thù lao HDQT, BKS	159,520,000	67,738,301
Thuế TNCN thu thừa	171,063,236	144,619,491
Tài sản thừa chờ giải quyết	919,181	
Lãi dự thu		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3,393,361	1,513,110
Phải trả khác	1,784,927	1,514,242
Cộng	504,015,697	364,501,532

P. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	18,600,000,000	(726,105,307)	2,633,994,225	741,277,519	5,976,518,853	27,225,685,290
Tăng trong năm	-	-	-	-	2,920,717,818	2,920,717,818
Giảm trong năm	-	-	-	-	63,103,402	63,103,402
Số dư tại 31/12/2015	18,600,000,000	(726,105,307)	2,633,994,225	741,277,519	8,834,133,269	30,083,299,706
Chuyển số dư (*)			-			
Số dư tại 01/01/2016	18,600,000,000	(726,105,307)	2,633,994,225	741,277,519	8,834,133,269	30,083,299,706
Tăng trong năm	-	-	-	-	1,815,048,520	1,815,048,520
Giảm trong năm	-	-	-	-	2,464,000,000	2,464,000,000
Số dư tại 30/06/2016	18,600,000,000	(726,105,307)	2,633,994,225	741,277,519	8,185,181,789	29,434,348,226

b. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1,860,000	1,860,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	1,860,000
- Cổ phiếu phổ thông	-	1,860,000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100,000	100,000
- Cổ phiếu phổ thông	100,000	100,000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	(100,000)	1,760,000
- Cổ phiếu phổ thông	(100,000)	1,760,000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2016	01/01/2016
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	8,834,133,269	5,976,518,853
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	1,815,048,520	2,920,717,818
Phân phối lợi nhuận	2,464,000,000	63,103,402
- Phân phối lợi nhuận năm trước	2,464,000,000	63,103,402
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	63,103,402
+ Chia cổ tức	2,464,000,000	-
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
+ Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	8,185,181,789	8,834,133,269

Q. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II Năm 2016	Quý II Năm 2015
Doanh thu bán sách tham khảo	359,300	517,911
Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	15,875,018,175	14,913,996,354
Doanh thu phim, băng đĩa	5,110,500	12,666,398
Doanh thu thiết bị giáo dục	8,139,963,414	6,337,650,876
Doanh thu khác	-	186,635,683
Cộng	24,020,451,389	21,451,467,222

R. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý II Năm 2016	Quý II Năm 2015
Chiết khấu thương mại	20,276,120	55,040,960
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	64,079,530	23,204,107
Cộng	84,355,650	78,245,067

S. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015
Giá vốn sách tham khảo	44,321,785	660,813
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	10,474,038,414	9,991,154,443
Giá vốn phim, băng đĩa	8,036,258	6,966,442
Giá vốn thiết bị giáo dục	6,939,343,321	5,389,768,194
Giá vốn khác	2,011,686	23,661,212
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	17,467,751,464	15,412,211,104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

T. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	112,831,136	72,674,228
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	112,831,136	72,674,228

U. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015
Tiền lương nhân viên bán hàng	1,204,717,926	757,975,178
Chi phí bốc xếp vận chuyển	240,928,459	231,001,517
Chi phí hoa hồng môi giới	333,711,986	-
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	377,183,045	392,728,772
Các khoản khác	401,278,502	441,032,382
Cộng	2,557,819,918	1,822,737,849

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015
Tiền lương	1,228,778,030	1,149,345,422
Chi phí thuê nhà	108,081,818	171,163,636
Chi phí giao dịch, hội nghị	126,535,454	66,365,454
Các khoản khác	652,823,835	1,044,945,169
Cộng	2,116,219,137	2,431,819,681

b. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	-
Cộng	-	-

V. Thu nhập khác

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015
Vật tư, hàng hóa thừa sau kiểm kê	-	-
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	7,358	785,000
Các khoản khác	-	-
Cộng	7,358	785,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

W. Chi phí khác

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015
Phạt và truy thu thuế	2,200,553	-
Xử lý hàng thiếu do kiểm kê	-	-
Các khoản khác	398,027	-
Cộng	2,598,580	-

X. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,904,545,134	1,779,912,749
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	31,297,500	49,000,000
- Điều chỉnh tăng	31,297,500	49,000,000
+ Chi phí không hợp lệ	-	49,000,000
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	31,297,500	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1,935,842,634	1,828,912,749
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	387,500,421	397,758,405
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	387,500,421	397,758,405
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

Y. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,517,044,713	1,382,154,344
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1,517,044,713	1,382,154,344
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1,760,000	1,760,000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)	862	785

Z. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh bắn đồ và tranh ảnh Giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***AA.Quản lý rủi ro****a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường về giá, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
30/06/2016			
Phải trả người bán	11,739,600,890	-	11,739,600,890
Chi phí phải trả	666,712,460	-	666,712,460
Phải trả khác	504,015,697	-	504,015,697
Cộng	12,910,329,047	-	12,910,329,047
01/01/2016			
Phải trả người bán	2,480,478,185	-	2,480,478,185
Phải trả khác	213,870,902	-	213,870,902
Cộng	2,714,349,087	-	2,714,349,087

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11,046,875,859	-	11,046,875,859
Phải thu khách hàng	24,909,533,877	-	24,909,533,877
Phải thu khác	<u>130,838,185</u>	<u>400,000,000</u>	<u>530,838,185</u>
Cộng	<u>36,087,247,921</u>	<u>400,000,000</u>	<u>36,487,247,921</u>

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16,380,866,810	-	16,380,866,810
Phải thu khách hàng	12,681,688,628	-	12,681,688,628
Phải thu khác	<u>51,213,358</u>	<u>400,000,000</u>	<u>451,213,358</u>
Cộng	<u>29,113,768,796</u>	<u>400,000,000</u>	<u>29,513,768,796</u>

BB. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CC. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Số dư với các bên liên quan**

	Khoản mục	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phải thu	50,266,709	84,976,148
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ	Phải thu	924,584,040	1,109,985,120
Công ty cổ phần Sách giáo dục tại TP Hà Nội	Phải thu	-	138,663,656
Công ty Cổ phần Học liệu	Phải thu	571,086,600	564,848,720
Công ty cổ phần Mĩ thuật và truyền thông	Phải thu	299,196,566	221,082,510
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc	Phải thu	231,837,100	150,903,740
Công ty cổ phần Sách và TBTH TP. HCM	Phải trả	2,241,791,778	705,648,966

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Quý 2/2016	Quý 2/2015
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ	Bán bản đồ, tranh ảnh	264,593,280	217,941,760
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh	739,928,576	251,273,920
Công ty cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh	1,145,085,360	1,397,521,280
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	1,039,062,680	1,172,649,728
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	140,760,000	381,769,250
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Mua thiết bị Giáo dục	1,707,722,698	1,351,178,048

DD.Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Giám đốc**Kế toán trưởng****Người lập biểu****Nguyễn Thị Hồng Loan****Đặng Thị Như****Ngô Thị Hương Giang***Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016*